CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 2/2025

CTCP Bất động sản Sài Gòn Vi Na

Ngày 30/06/2025	18,100 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0.6%	**-2.7%**	**72.4%**

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	8,400 - 24,500
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,629
Số lượng CPLH (CP)	90,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	119,040
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	1.68
EPS	-304
P/E	-59.6

DT thuần
Q2/25
1.66
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.66|
YoY: ▲ 1.66|

LN thuần
Q2/25
-15.5
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.20| 1.0%
YoY: ▼14.7| -1729%

LN sau thuế
Q2/25
-15.4
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.30| 1.7%
YoY: ▼14.6| -1716%

Tỷ suất lãi EBIT
Q2/25
1355%

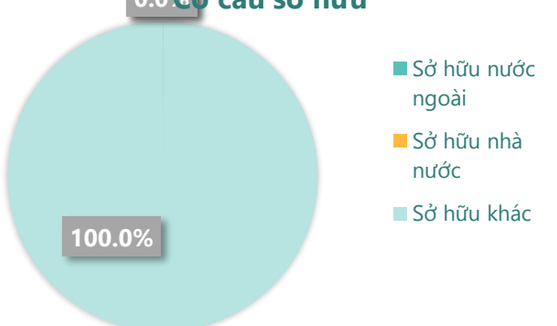
ROE (TTM)
Q2/25
-2.7%
YoY: +/-▼ 1.4%

DT thuần
6T 2025
1.66
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 1.66|

LN thuần
6T 2025
-31.3
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.3| -2943%

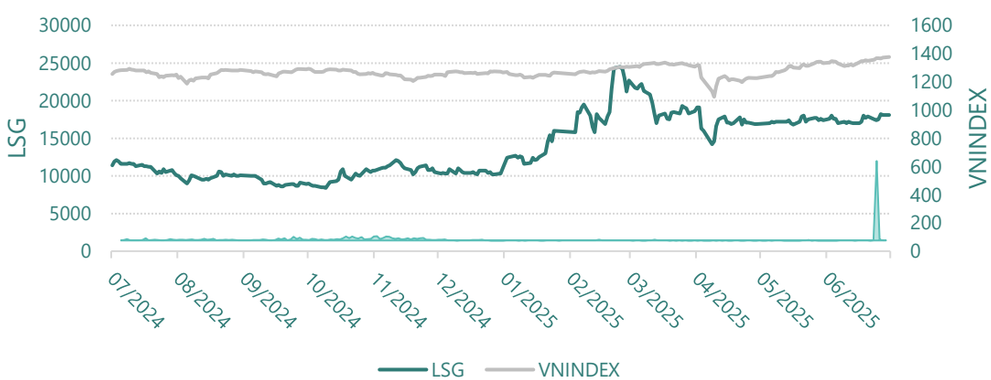
LN sau thuế
6T 2025
-31.2
tỷ VNĐ
YoY: ▼30.1| -2795%

Cơ cấu sở hữu

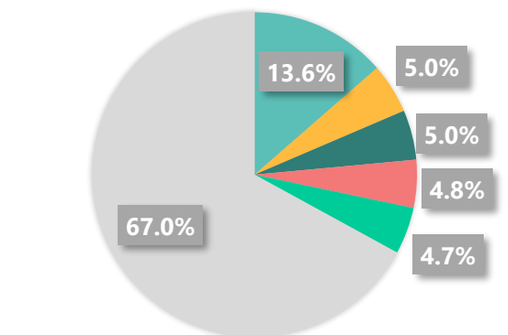


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

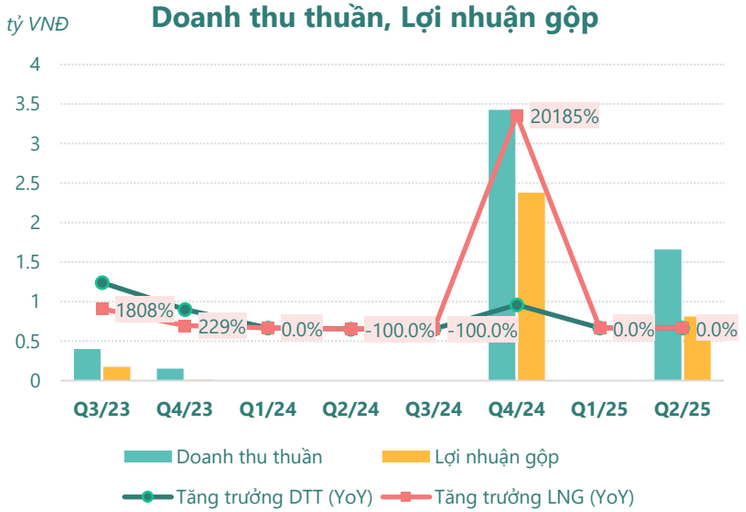


- CTCP Địa ốc Đại Á
- CTCP Quản lý & Phát triển Bất động sản Conasi
- Trương Kim Duyên
- Trần Thị Minh Tâm (Tổng giám đốc)
- Trần Thành Nhơn (Kế toán trưởng)
- Khác

(Nguồn: fireant.vn)

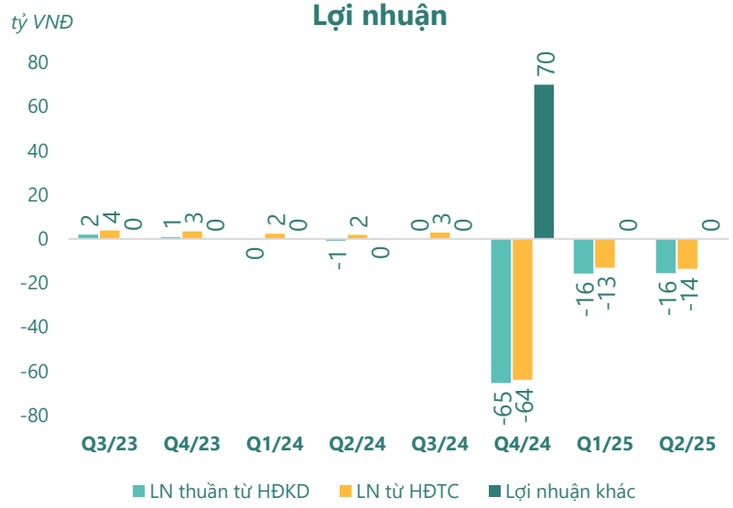
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



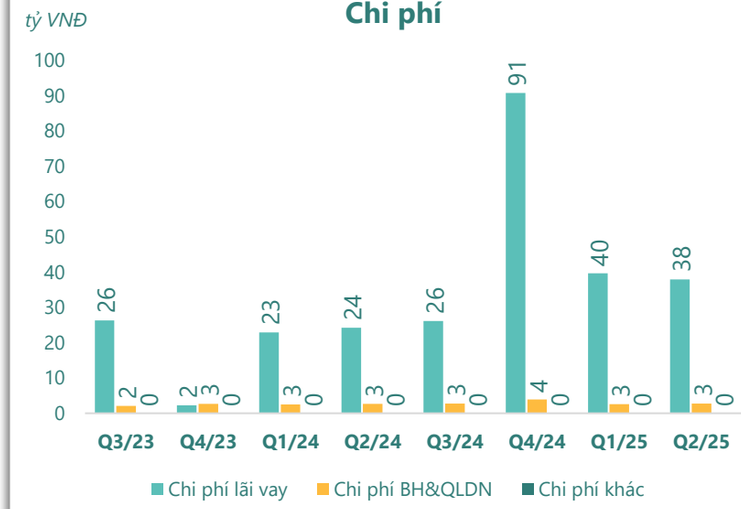
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



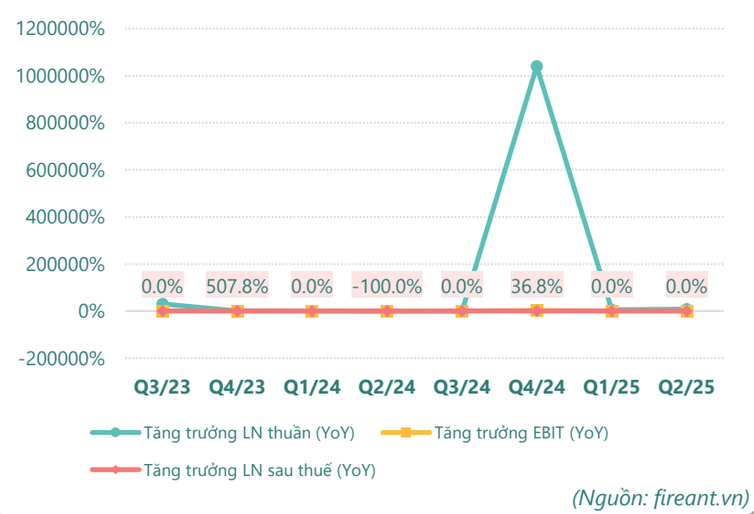
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



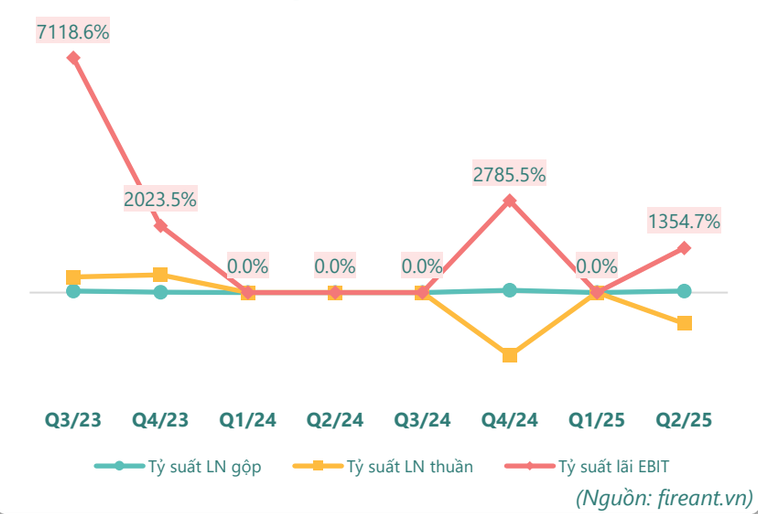
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



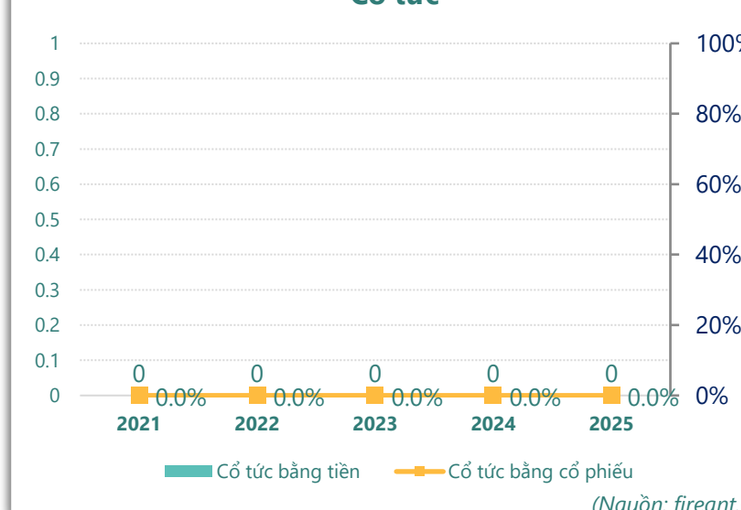
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



(Nguồn: fireant.vn)

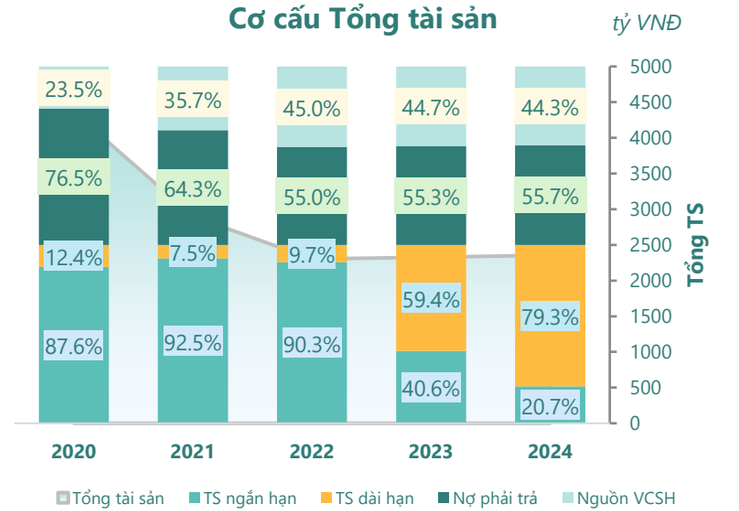
Cổ tức



(Nguồn: fireant.vn)

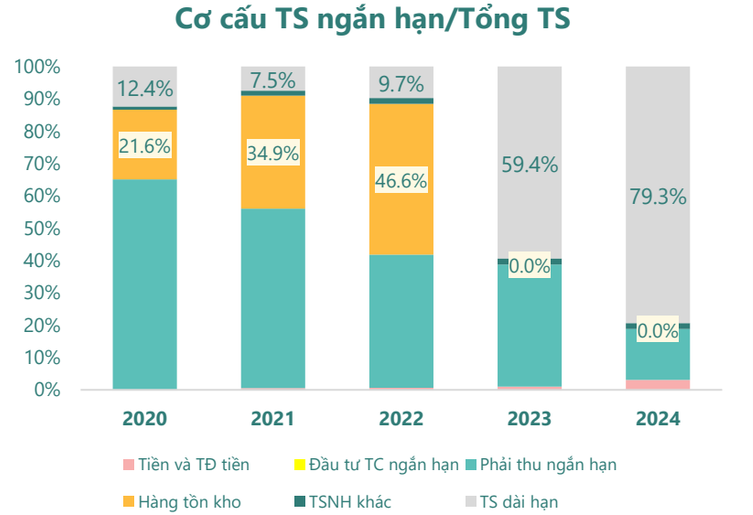
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản



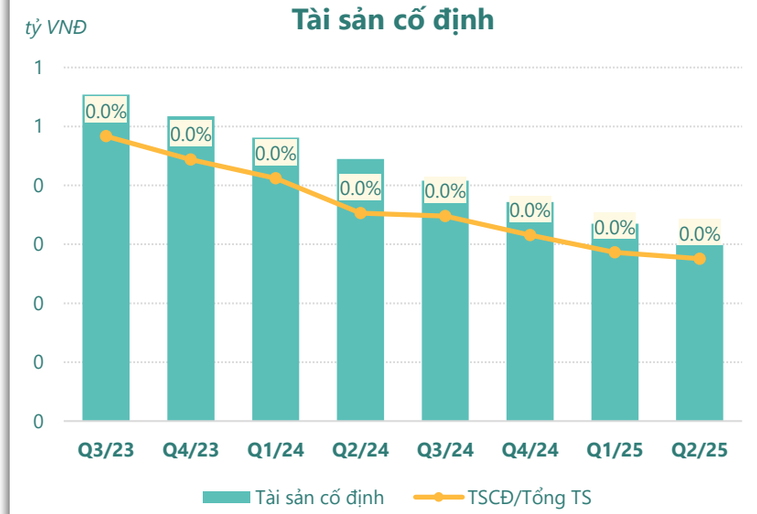
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



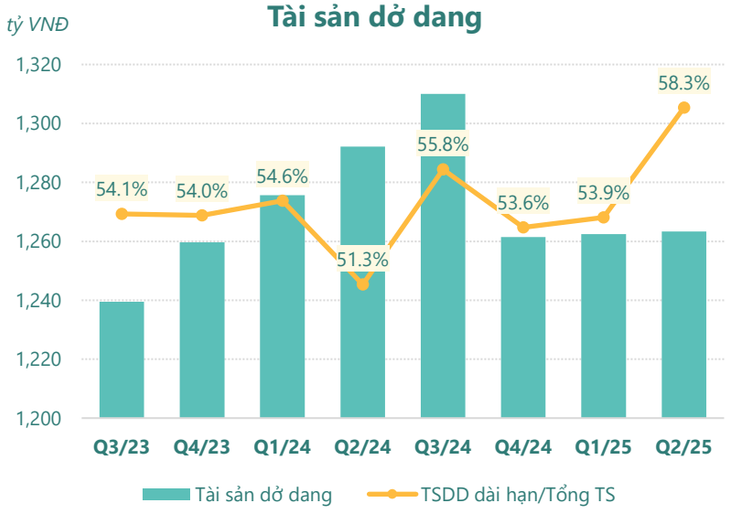
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



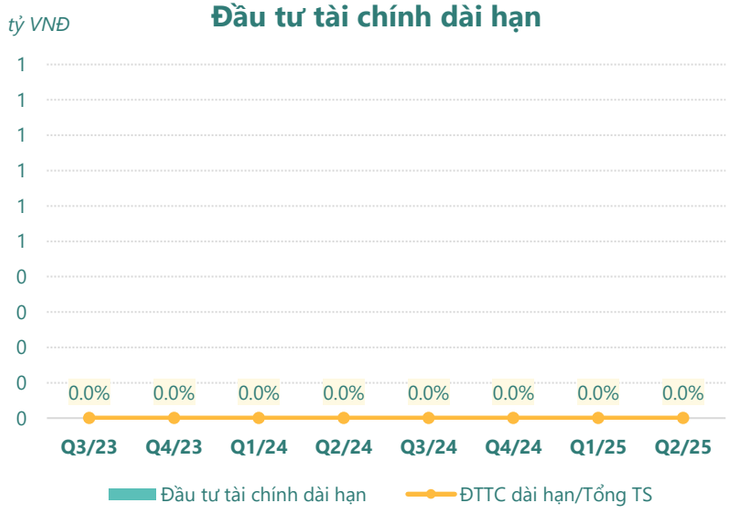
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



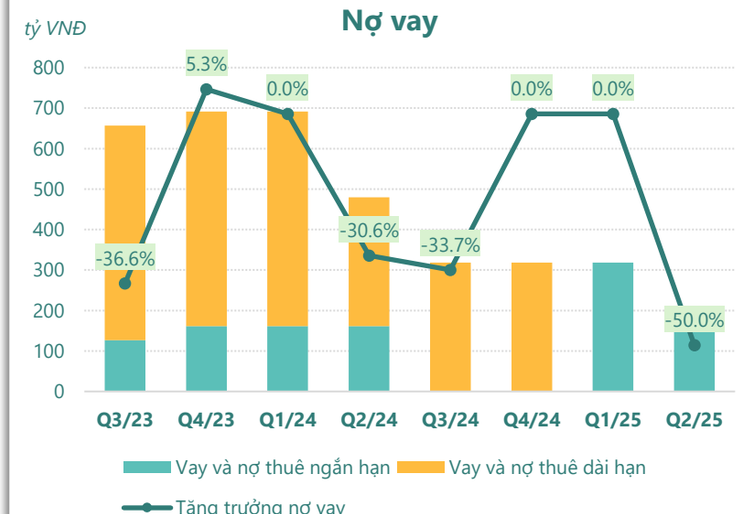
(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn



(Nguồn: fireant.vn)

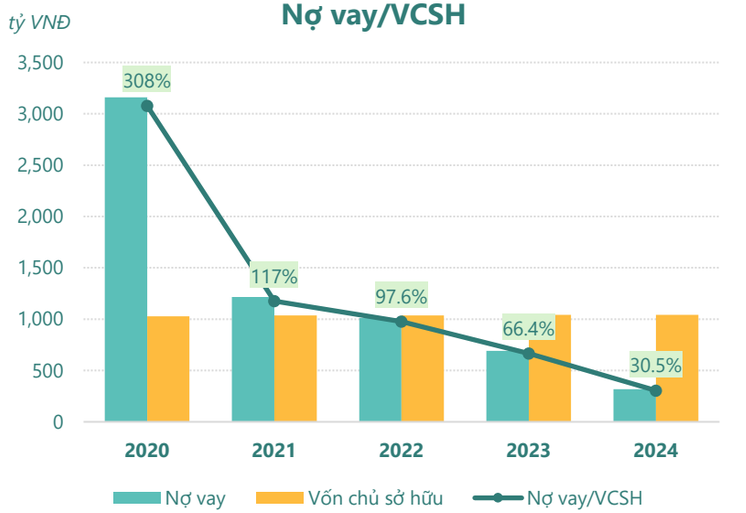
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

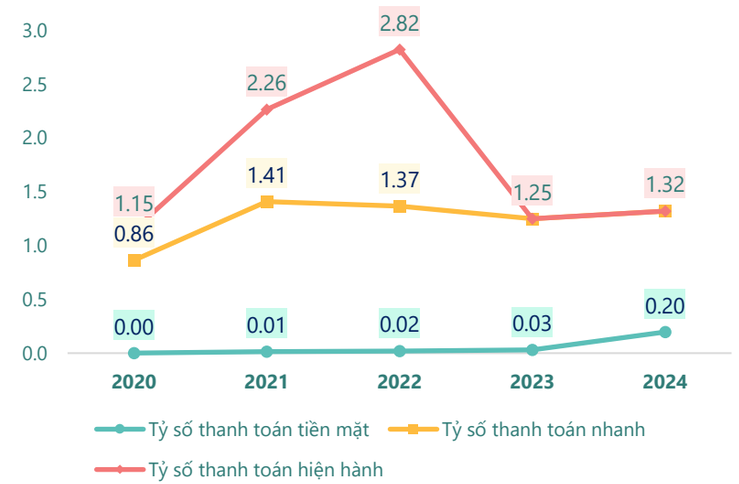
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



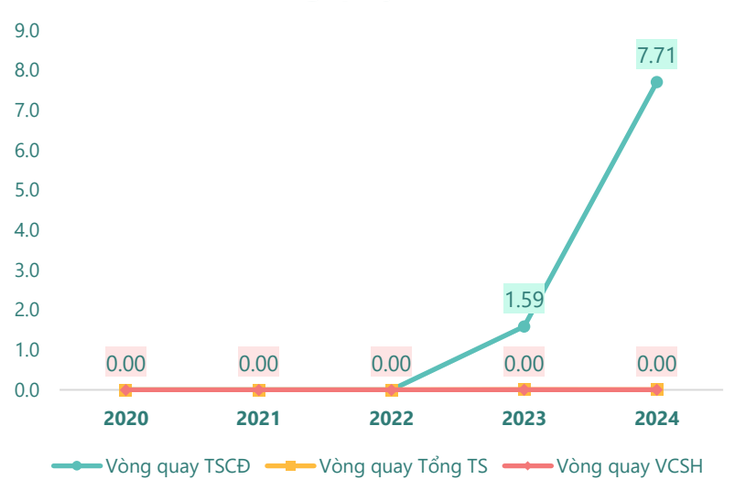
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



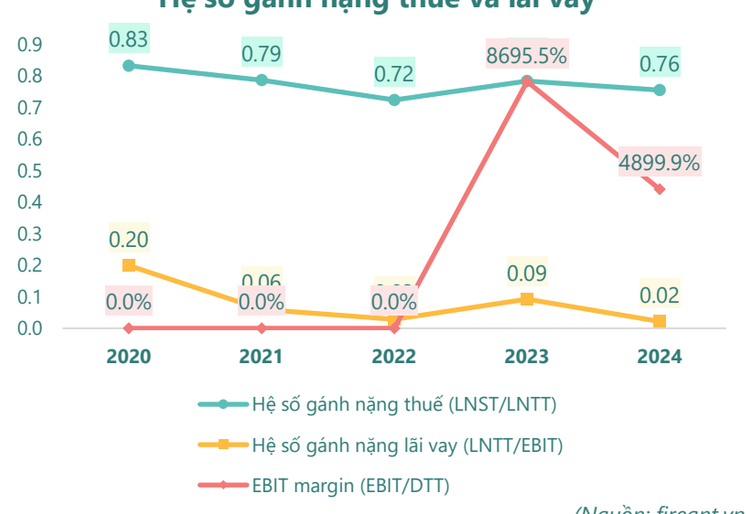
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



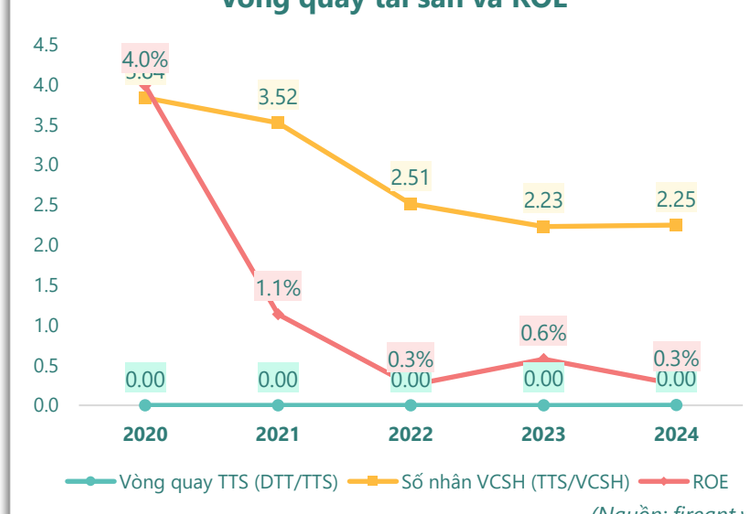
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



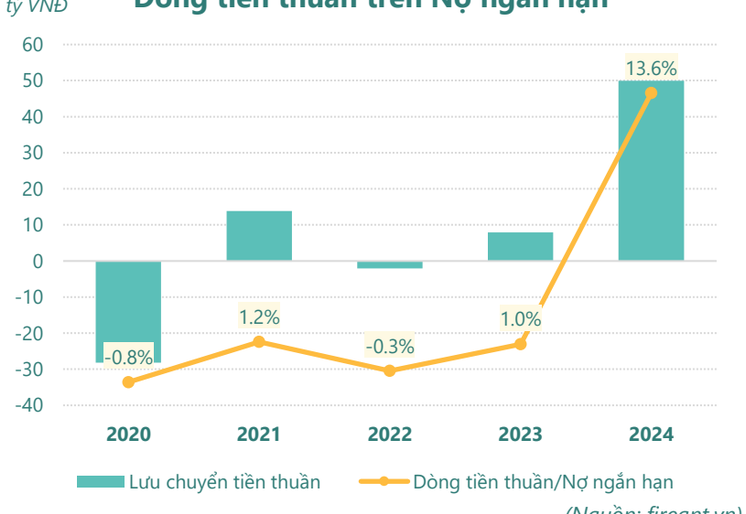
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q2/25	Q2/24	Thay đổi YoY	6T 2025	6T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**1.66**	**0.00**		**1.66**	**0**	
Giá vốn hàng bán	0.85	0.00		0.85	0	
Lợi nhuận gộp	0.81	0.00		0.81	0	
Doanh thu HĐTC	24.4	26.1	-6.6%	51.0	51.4	-0.9%
Chi phí TC	38.0	24.3	56.2%	77.7	47.2	64.4%
Chi phí lãi vay	38.0	24.3	56.2%	77.7	47.2	64.4%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.78**	**2.65**	**4.8%**	**5.40**	**5.20**	**3.8%**
LN thuần từ HĐKD	-15.5	-0.85	-1729%	-31.3	-1.03	-2943%
Lợi nhuận khác	**0.08**	**-0.02**	**514%**	**0.14**	**-0.02**	**718%**
LN trước thuế	-15.5	-0.88	-1657%	-31.1	-1.05	-2862%
Lợi nhuận sau thuế	**-15.4**	**-0.85**	**-1716%**	**-31.2**	**-1.08**	**-2795%**
LNST của CĐ cty mẹ	**-15.4**	**-0.85**	**-1716%**	**-31.2**	**-1.08**	**-2795%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-38.0	-62.4	-59.2	29.0	-42.1	-40.8
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	25.0	-84.0	187	12.6	13.1	182
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	202	-162	0	0	-159
Tiền đầu kỳ	22.4	9.41	65.0	30.8	72.4	43.5
Lưu chuyển tiền thuần	**-13.0**	**55.6**	**-34.2**	**41.6**	**-29.0**	**-17.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	9.41	65.0	30.8	72.4	43.5	25.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/6/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,167**	**2,355**	**-8.0%**
Tài sản ngắn hạn	773	486	58.9%
Tiền và tương đương tiền	25.7	72.4	-64.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	702	370	89.8%
Hàng tồn kho	0.53	0	
Tài sản ngắn hạn khác	43.9	43.9	0.1%
Tài sản dài hạn	**1,395**	**1,869**	**-25.4%**
Phải thu dài hạn	48.6	526	-90.8%
Tài sản cố định	0.30	0.37	-19.6%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	1,263	1,261	0.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**82.4**	**81.1**	**1.5%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,157	1,312	-11.8%
Nợ ngắn hạn	**213**	**368**	**-42.1%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	159	318	-50.0%
Phải trả người bán ngắn hạn	0.17	0.17	2.3%
Nợ dài hạn	944	944	0.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,010**	**1,043**	**-3.2%**
Vốn chủ sở hữu	**1,010**	**1,043**	**-3.2%**
Vốn điều lệ	900	900	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)